

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2020/HNGĐ - ST

Ngày 20-5-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con” giữa Lê Văn và Nguyễn Thị
H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Điệp.

2. Ông Nguyễn Hữu Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lệ An – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, Thông báo hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 17/3/2020 và Thông báo tiếp tục xét xử vụ án số 01/TB-TA ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn Lương Kim, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có đơn xin xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn Lương Kim, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 10/12/2019, nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày:

Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị H yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 28/8/1989. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và sinh được 05 con chung. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh L phải đi làm ăn xa và chị H ở nhà có biểu hiện ngoại tình với người đàn ông khác; Tuy nhiên vì con cái còn nhỏ nên anh L đã nhiều lần tha thứ để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng chị H vẫn không thay đổi, vẫn chứng nào tật ấy, nên từ đó vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng và vợ chồng không quan hệ tình cảm với nhau, sống ly thân với nhau. Anh L xét thấy tình cảm giữa anh với chị Nguyễn Thị H thật sự không còn nữa, nếu kéo

dài thì sẽ làm đau khổ cho cả hai vợ chồng, ảnh hưởng đến con cái, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau. Vì vậy anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung: Cháu Lê Thị H, sinh ngày 19/4/1990; cháu Lê Thị Thanh H, sinh ngày 10/8/1993; cháu Lê Thị T, sinh ngày 03/9/1997; cháu Lê Trang Đ, sinh ngày 30/9/2001 và cháu Lê Đức T, sinh ngày 13/7/2004. Hiện nay 04 cháu H, H, T, Đ đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Lê Đức T hiện con nhỏ; nếu ly hôn anh L đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản trình bày ý kiến ngày 14/02/2020, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Lê Văn L kết hôn năm 1989, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Sau hơn 30 năm chung sống, vợ chồng không tránh khỏi những va chạm, giận hờn nhưng cơ bản hòa hợp, hạnh phúc, không đánh đập, gây gổ mất tình cảm vợ chồng ảnh hưởng đến con cái và cùng nhau xây dựng gia đình từ hai bàn tay trắng, đến nay cuộc sống ổn định và con cái khôn lớn, trưởng thành, học hành thành đạt. Tuy nhiên, thời gian gần đây, anh L lại có biểu hiện thay lòng đổi dạ, đặc biệt hơn một năm nay có quan hệ tình cảm trên mức bình thường với một người phụ nữ khác. Chị H cùng các con và bạn bè đã nhiều lần khuyên bảo, can ngăn nhưng anh L vẫn không thay đổi và chị H đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng anh L, chị H có 05 con chung: Cháu Lê Thị H, sinh ngày 19/4/1990; cháu Lê Thị Thanh H, sinh ngày 10/8/1993; cháu Lê Thị T, sinh ngày 03/9/1997; cháu Lê Trang Đ, sinh ngày 30/9/2001 và cháu Lê Đức T, sinh ngày 13/7/2004. Trường hợp nếu ly hôn, chị H đồng ý giao cháu Lê Đức T cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng và chị H không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến ngày 18/02/2020, chị H có bản trình bày bổ sung, chị cho rằng trong trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con chung đề nghị được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Đức T và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; về tài sản chung: Hai vợ chồng có một ngôi nhà cấp 4 ở thôn Lương Kim, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giá trị ước khoảng 100.000.000 đồng, đề nghị được phân chia tài sản chung và chị H xin được nhận nhà để lo cho các con, sẽ bù trừ tiền chênh lệch tài sản cho anh L; về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Xử cho anh Lê Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; về con chung: Giao cháu Lê Đức T cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ

1.200.000 đồng đến 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 13/12/2019, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị H nhưng chị H không có mặt tại địa phương, qua xác minh thì chị H đi làm ăn thỉnh thoảng về nhà nhưng không rõ thời điểm trở về nên Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án tại thôn Lương Kim, xã Triệu Phước; tại trụ sở UBND xã Triệu Phước và tại trụ sở TAND huyện Triệu Phong. Ngày 17/12/2019 anh Lê Văn L có đơn xin giải quyết vắng mặt trong các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Tòa án ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 15/01/2020, ngày 14/2/2020 và đã tổng đạt hợp lệ các thông báo này cho anh L, bà H nhưng anh L xin vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành phiên họp và hòa giải được. Ngày 17/02/2020, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa vào ngày 05/3/2020. Tại phiên tòa ngày 05/3/2020, anh L xin xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại vào ngày 24/3/2020. Tuy nhiên, đến ngày 17/3/2020 Tòa án ra Thông báo số 01/TB-TA về việc hoãn phiên tòa ngày 24/3/2020 với lý do tạm ngừng xét xử theo chỉ đạo của Tòa án nhân dân tối cao vì dịch Covid-19 và thời gian xét xử sẽ ấn định sau. Đến ngày 28/4/2020, Tòa án ra Thông báo số 01/TB-TA về việc mở phiên tòa xét xử vào ngày 20 tháng 5 năm 2020. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Lê Văn L xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 28/8/1989. Tuy nhiên, theo anh L, quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do chị H có mối quan hệ tình cảm với người khác nhưng vì con cái còn nhỏ nên anh L đã nhiều lần tha thứ để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng chị H vẫn không thay đổi, vẫn chứng nào tật ấy, nên từ đó vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân với nhau từ lâu. Còn chị H cho rằng, quá trình chung sống, vợ chồng không tránh khỏi những va chạm, giận hờn nhưng cơ bản hòa hợp, hạnh phúc, không đánh đập, gây gổ mất tình cảm vợ chồng ảnh hưởng đến con cái và cùng nhau xây dựng gia đình. Tuy nhiên, hơn một năm nay anh L có quan hệ tình cảm trên mức bình thường với một người phụ nữ khác, chị H, con cái và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, can ngăn nhưng anh L vẫn không thay đổi. Trong quá trình giải quyết vụ

án, Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh L, chị H thì chính quyền địa phương cho biết: Trong những năm trở lại đây, vợ chồng anh L, chị H mỗi người làm ăn, sinh sống mỗi nơi, ít quan tâm lẫn nhau, thỉnh thoảng mới về nhà và cũng không về nhà cùng nhau, ít quan tâm lẫn nhau. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng anh L, chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh L, xử cho anh L được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh L, chị H có 05 con chung là các cháu Lê Thị H, sinh ngày 19/4/1990; cháu Lê Thị Thanh H, sinh ngày 10/8/1993; cháu Lê Thị T, sinh ngày 03/9/1997; cháu Lê Trang Đ, sinh ngày 30/9/2001 và cháu Lê Đức T, sinh ngày 13/7/2004. Hiện nay 04 cháu H, H, T, Đ đã trên 18 tuổi nên cả anh L, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Đối với cháu Lê Đức T, sinh ngày 13/7/2004. Nếu ly hôn cả anh L và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung; còn chị H yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao cháu T cho ai nuôi dưỡng là xem xét đến điều kiện của bố, mẹ và khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung. Thấy rằng hiện tại cháu T đang ở với chị H, còn anh L thường xuyên đi làm ăn nên chị H yêu cầu được nuôi cháu T là hợp lý, do đó cần giao cháu Lê Văn T cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với chị H sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H mới có bản yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là nhà cấp 4 tại thôn Lương Kim, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trị giá ước khoảng 100.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu về tài sản của chị H có sau khi Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này chị H có thể yêu cầu về tài sản chung của vợ chồng thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Văn L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117,

Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. *Về tình cảm*: Xử cho anh Lê Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. *Về con chung*: Xử giao cháu Lê Đức T, sinh ngày 13/07/2004 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Văn L phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Đức T mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu T đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về án phí*: Anh Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004517 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Anh Lê Văn L còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Phước, huyện T.Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VT.

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

